

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2022/HS-ST**

Ngày: 06/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Thẩm phán: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thái, ông Huỳnh Công Trí và bà Tạ Thị Mỹ Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nin – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

P B N, sinh năm 1992; tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Ấp T R, xã C P, thị xã P, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán gỗ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P C V, sinh năm 1956 và bà Đ T D, sinh năm 1963; có vợ H T Q G, sinh năm 1995 và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2021; có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo P B N: Ông Bùi Đức Quang – Luật sư, Công ty Luật TNHH MTV Thuận Lý, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Có mặt.

- Bị hại: Ông N C Th, sinh năm 1968. Nơi cư trú: B C, phường B S, thị xã H Nh, Đ. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông B V Q, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Trung tâm An điều dưỡng tàu ngầm – Cục Hậu Cần – Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng. Vắng mặt

2. Ông P H A, sinh năm 1982. Nơi cư trú: B C, phường B S, thị xã H Nh, Đ. Vắng mặt.

3. Ông T V P, sinh năm 1969. Nơi cư trú: B C, phường B S, thị xã H Nh, Đ. Vắng mặt.

4. Ông N T H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: B C, phường B S, thị xã H Nh, Đ. Vắng mặt.

5. Bà H T Q G, sinh năm 1995. Nơi cư trú: B C, phường B S, thị xã H Nh, Đ. Có mặt.

6. Ông V M T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: B C, phường B S, thị xã H Nh, Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cao Nguyên Lâm, địa chỉ thôn Phước Lộc, xã Hòa Th, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên trồng 115 ha rừng keo sản xuất tại tiểu khu 151 thuộc xã Sơn Hội và xã Phước Tân, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Tháng 10/2020, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cao Nguyên Lâm ủy quyền cho ông T V P, trú tại 241B Bà Triệu, Phường 7, Th phố Tuy Hòa đứng ra ký hợp đồng bán rừng keo nói trên. B V Q, cán bộ Trung tâm an điều dưỡng tàu ngầm - Quân chủng Hải quân ở xã An Phú, Th phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên quen biết với P B N nên gọi điện thoại hỏi N có mua 115 ha rừng keo thì Quân giới thiệu để được hưởng tiền hoa hồng. N đồng ý và rủ P H A, trú 426/11A Trần Phú, Phường 5, Th phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cùng đến tỉnh Phú Yên gặp Quân và được Quân giới thiệu N với ông Phương. Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên N nảy sinh ý định ký hợp đồng mua rừng keo rồi bán cho người khác để chiếm đoạt tiền. Ngày 23/10/2020, N ký hợp đồng với ông Phương mua 115 ha rừng keo với giá 5.750.000.000 đồng, thời gian thực hiện hợp đồng đến hết ngày 28/10/2020, nếu không thanh toán tiền đúng thời hạn thì hợp đồng sẽ bị hủy.

P B N đăng thông tin lên mạng xã hội để tìm người mua thì ông N C Th, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Lâm, địa chỉ 19A Biên Cương, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định liên hệ và hẹn gặp nhau tại Th phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Mặc dù hợp đồng giữa N và ông Phương đã bị hủy do quá thời hạn thanh toán tiền nhưng N vẫn đưa ra thông tin gian dối cho ông Th rằng N là chủ sở hữu 115 ha rừng keo và đưa ông Th trực tiếp đi kiểm tra hiện trạng rừng keo này để ông Th tin tưởng. Ngày 03/11/2020, ông Th và N ký hợp đồng mua bán 100 ha trong tổng số 115 ha rừng trồng keo với giá 4.000.000.000 đồng và ông Th đặt cọc 50.000.000 đồng. Ngày 09/11/2020, ông Th chuyển vào tài khoản của N số tiền còn lại là 3.950.000.000 đồng tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên. Ngày 13/11/2020, ông Th tổ chức khai thác rừng keo trên thì thấy có người khai thác nên gọi điện thoại hỏi N. Sợ bị ông Th phát hiện sự việc nên N nói dối sẽ trả lại cho ông Th 4.000.000.000 đồng và bồi thường hợp đồng 1000.000.000 đồng nhưng sau đó trốn tránh không chịu trả. Ngày 14/12/2020, ông Th tố cáo hành vi của N đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT-VKS-P1 ngày 24/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố P B N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a, Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo P B N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận tình tiết vụ án diễn ra như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng, thấy có tội, không oan.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo P B N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về Hình phạt: Áp dụng Điểm a, Khoản 4 Điều 174; Điểm b, s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; phạt P B N từ 15 năm đến 16 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo P B N phải bồi thường cho ông N C Th số tiền 1.250.000.000đồng. Tách yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000.000 đồng của ông N C Th để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi ông Th có yêu cầu.

Về án phí: Bị cáo P B N phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 49.500.000đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Người bào chữa của bị cáo P B N trình bày: Thống nhất với tội danh Cáo trạng truy tố; bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức đề nghị của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo P B N tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 03 và 09/11/2020, tại Th phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, P B N đưa ra thông tin gian dối là chủ sở hữu của 100 ha rừng trồng keo tại xã Sơn Hội

và xã Phước Tân, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên để ông N C Th tin tưởng ký hợp đồng mua gỗ keo và chuyển tiền cho N chiếm đoạt số tiền 4.000.000.000đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo P B N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm a, Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo P B N nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an – an toàn xã hội ở địa phương nên cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại nên giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở Th người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[2.3] Xét thấy số tiền bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 4.000.000.000 đồng, cao gấp 08 lần so với mức khởi điểm quy định tại Điểm a, Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự nên việc áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định là không tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và không đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Do đó, không chấp nhận ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

[3.1] Bị cáo P B N đã chiếm đoạt số tiền 4.000.000.000đồng của người bị hại. Việc người bị hại yêu cầu bị cáo phải trả số tiền trên là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả cho ông N C Th số tiền đã chiếm đoạt là 4.000.000.000đồng, bị cáo P B N đã trả trước 2.750.000.000đồng nên còn phải trả 1.250.000.000đồng.

[3.2] Ngoài ra, người bị hại N C Th yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh các khoản thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo P B N gây ra và khoản thiệt hại này không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự tách phần yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000.000đồng của ông N C Th để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi ông Th có yêu cầu.

[4] Về án phí: Bị cáo P B N bị kết án và phải có trách nhiệm trả lại tài sản đã chiếm đoạt nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với hành vi của ông B V Q là người giới thiệu cho N ký hợp đồng với ông T V P. P H A cùng đi với N và chứng kiến N ký hợp đồng mua bán rừng keo với T V P và N C Th. Tuy nhiên Quân và Anh không biết mục đích chiếm đoạt

tiền của N, không bàn bạc, giúp sức hoặc nhận lợi ích vật chất từ N nên B V Q và P H A không đồng phạm với N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo P B N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” .

1. Về Hình phạt: Áp dụng Điểm a, Khoản 4 Điều 174; Điểm b, s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo P B N – 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/4/2021.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

2.1. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo P B N phải có trách nhiệm trả lại cho ông N C Th số tiền đã chiếm đoạt là 4.000.000.000đồng (Bốn tỷ đồng), bị cáo P B N đã trả trước 2.750.000.000đồng (Hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) nên còn phải trả số tiền 1.250.000.000đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ của mình thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và phần nghĩa vụ chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.2. Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tách phần yêu cầu đòi bị cáo P B N bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng) của ông N C Th để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi ông Th có yêu cầu.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo P B N phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 49.500.000đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC Đà Nẵng ;
- VKSNDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- P.KTNV - THAHS;
- Cục THADS Phú Yên ;
- Lưu TA, THS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng

Phú Yên, ngày 17 tháng 01 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 17 tháng 01 năm 2022;

Tại phòng nghị án – Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Danh, ông Huỳnh Công Trí và ông Nguyễn Hồng Thái.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn Cường (tên gọi khác: Cường Nhót), sinh năm 1988; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố An Thạnh, phường Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố về các tội “Giết người” và “Cướp tài sản” theo Điều e, n, Khoản 1 Điều 123; Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 299, 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN HÌNH SỰ NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

* Các Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa cùng thống nhất ý kiến: Bị cáo Huỳnh Văn Cường phạm các tội: “Giết người” và “Cướp tài sản”.

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa thống nhất ý kiến của các Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa.

Kết quả biểu quyết: 5/5.

2. Về Điều luật áp dụng:

* Các Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa cùng thống nhất ý kiến:
Về hình phạt: Áp dụng Điều e, n, Khoản 1 Điều 123; Khoản 1 Điều 168; Điều 15; Khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự đối với tội Giết người; Điều b, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội Giết người và Cướp tài sản; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với tội Cướp tài sản; Khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; Về

trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 590 Bộ luật Dân sự; **Về xử lý vật chứng:** Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa thống nhất ý kiến của các Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa.

Kết quả biểu quyết: 5/5.

3. Về quyết định hình phạt:

* Các Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa cùng thống nhất ý kiến: Phạt: Bị cáo Huỳnh Văn Cường – 10 (Mười) năm tù về tội “Giết người”; 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Huỳnh Văn Cường phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là: 11 (Mười một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2021.

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa thống nhất ý kiến của các Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa.

Kết quả biểu quyết: 5/5.

4. Về các vấn đề khác:

* Các Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa cùng thống nhất ý kiến:

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với người bị hại. Buộc bị cáo Huỳnh Văn Cường phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Nguyễn Hiệp số tiền: 93.500.000đ (Chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng); bị cáo đã bồi thường 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng), nên còn phải tiếp tục bồi thường 67.500.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) con dao gấp (dao bấm) bằng kim loại, cán dao dài 23cm, lưỡi dao dài 10,6cm.

Vật chứng có đặc điểm mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Về án phí: Bị cáo Huỳnh Văn Cường phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 3.375.000đ (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa thống nhất ý kiến của các Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa.

Kết quả biểu quyết: 5/5.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 50 phút cùng ngày, đã đọc lại cho các Th viên Hội đồng xét xử cùng nghe, nhận đúng, ký tên.

TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận: TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân cấp cao (1); **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh (2);
- PV27 (1);
- PC 02 (1);
- Sở tư pháp (1);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu AV, HS **Võ Nguyên Tùng**